HDV®

Head Driving Victory

ISO 9001 : 2015

BS EN 61386-21:2004

QUATEST3

IEC 61386

CATALOGUE

PVC CONDUITS & FITTINGS

KIM QUANG ELECTRIC DISTRIBUTOR

Hotline: 0931 455 668

Sales: 0909 635 266 - 0938 118 428

Catalogue HDV

Bảng giá HDV

ISO 9001 : 2015

BS EN 61386-21:2004

QUATEST3

IEC 61386

ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN PVC CAO CẤP

Chất lượng của các công trình chính là sự đánh giá chất lượng của ống luồn dây điện HDV. Với dây chuyền sản xuất hiện đại, được kiểm tra nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn BSEN-61386, IEC-61386 và BS 4607, ống luồn dây điện HDV luôn đáp ứng được những yêu cầu của các công trình xây dựng. Ống luồn dây điện PVC thương hiệu HDV gồm có 3 loại: HD series - 1250N (heavy duty), CO series - 750N (medium duty) và CL series - 320N (light duty).

Đặc tính ống luồn dây điện HDV:

1. Chịu được lực nén cao: không vỡ ống khi lắp âm tường, sàn.
2. Chịu được va đập mạnh: độ dẻo cao, sức bền, sức căng tốt, dễ dàng uốn cong.
3. Chống cháy: tự dập tắt trong thời gian <30 giây.
4. Chống ăn mòn: không bị ăn mòn điện hóa.
5. Chống gặm mòn: hạn chế mối mọt, sự cắn phá của các loại côn trùng.
6. Cách điện tốt: chịu được điện áp đánh thủng cao.

HIGH QUALITY PVC CONDUIT AND FITTINGS

The construction project quality is evaluated of quality HDV conduit. With modern production line, were checked strict follow BSEN-61386, IEC-61386 and BS 4607 standard, HDV conduit was met demand of high quality construction project. The HDV conduit is have three type: HD series - 1250N (heavy duty), CO series - 750N (medium duty) và CL series - 320N (light duty).

Description of HDV conduit:

1. Resistance to high compression: not broken when in the wall, in the concrete floor.
2. Resistance to impact: pliability, good strength and stretch, easy to bend.
3. Resistance to fire: the fame goes out itself in less than 30 seconds.
4. Resistance to erosion: not electrically eroded.
5. Resistance to corrosion: to be able to afford to exterminate termites, moths and insects.
6. Good electrical insulating strength: high breakdown voltage.

HD SERIES - 1250N (HEAVY DUTY)

Mã số Code	Kích thước / Dimension OD(mm)	S(mm)	L(m)
HD20	20	1.75 (±0.2)	2.92
HD25	25	1.90 (±0.2)	2.92
HD32	32	2.27 (±0.2)	2.92
HD40	40	2.5 (±0.2)	2.92
HD50	50	2.8 (±0.2)	2.92

CO SERIES - 750N (MEDIUM DUTY)

Mã số Code	Kích thước / Dimension OD(mm)	S(mm)	L(m)
CO16	16	1.3 (±0.2)	2.92
CO20	20	1.5 (±0.2)	2.92
CO25	25	1.7 (±0.2)	2.92
CO32	32	1.9 (±0.2)	2.92
CO40	40	2.2 (±0.2)	2.92
CO50	50	2.4 (±0.2)	2.92

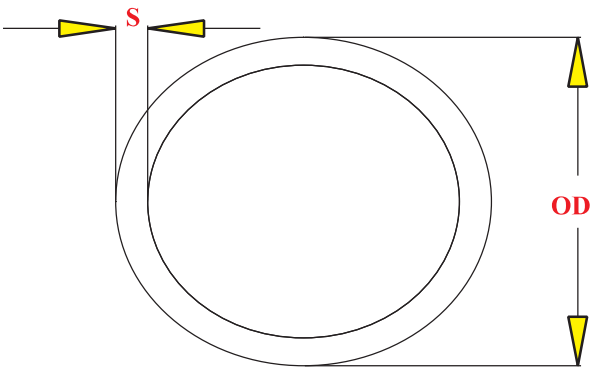

CO SERIES - 750N (MEDIUM DUTY)

Mã số Code	Kích thước / Dimension OD(mm)	S(mm)	L(m)
CO16	16	1.3 (±0.2)	2.92
CO20	20	1.5 (±0.2)	2.92
CO25	25	1.7 (±0.2)	2.92
CO32	32	1.9 (±0.2)	2.92
CO40	40	2.2 (±0.2)	2.92
CO50	50	2.4 (±0.2)	2.92

CL SERIES - 320N (LIGHT DUTY)

Mã số Code	Kích thước / Dimension OD(mm)	S(mm)	L(m)
CL16	16	1.1mm (±0.2)	2.92
CL20	20	1.3mm (±0.2)	2.92
CL25	25	1.5mm (±0.2)	2.92
CL32	32	1.6mm (±0.2)	2.92

ỐNG LUỒN ĐÀN HỒI (ỐNG RUỘT GÀ) / CORRUGATED CONDUIT

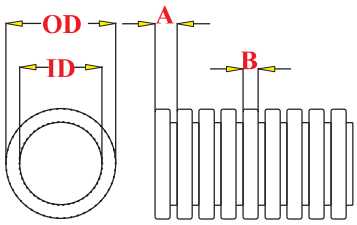

Mã số Code	Ống luồn đàn hồi Corrugated Conduit	Kích thước / Dimension OD	ID	A	B	L
COR16 (COR16CC/COR161/COR162)	Ø 16mm	16	12.1	3.4	2.5	50
COR20 (COR20CC/COR201/COR202)	Ø 20mm	20	14.9	4	2.75	50
COR25 (COR25CC/COR251/COR252)	Ø 25mm	25	19.3	4.1	3	40
COR32 (COR32CC/COR321/COR322)	Ø 32mm	32	25	4.5	3.15	25

HỘP NỐI DÂY PVC TỰ CHỐNG CHÁY - PVC ADAPTOR BOX

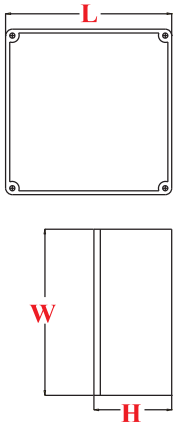

Mã số Code	Kích thước / Dimension W	L	H
ABO 100X100	100	100	47
ABO 150X150	150	150	49
ABO 200X200	200	200	63

ĐẾ ÂM TƯỜNG PVC TỰ CHỐNG CHÁY - PVC FLUSH MOUNTED WALL BOXES

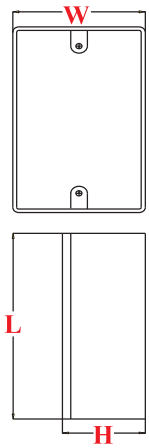

Mã số Code	Kích thước / Dimension W	L	H	C
FMD	64	105	40	84
FMDV	80	80	40	60
FMKT	80	80	50	60
FM	64	105	2	
FM-V	80	80	2	

KHỚP NỐI TRƠN PVC - PVC JOINING COUPLINGS

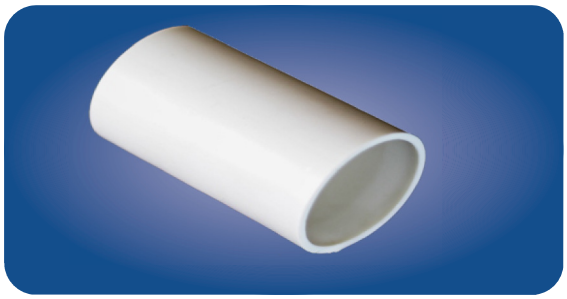

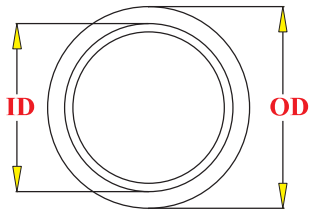

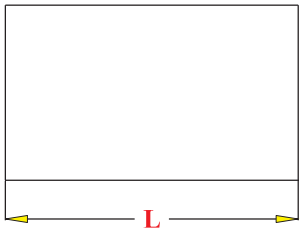

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension OD	ID	L
COU16	Ø 16mm	20	16	34
COU20	Ø 20mm	24	20	40
COU25	Ø 25mm	29	25	51
COU32	Ø 32mm	38	32	60

KHỚP NỐI CHỮ T - PVC INSPECTION TEES

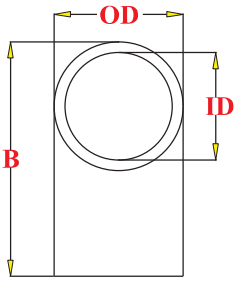

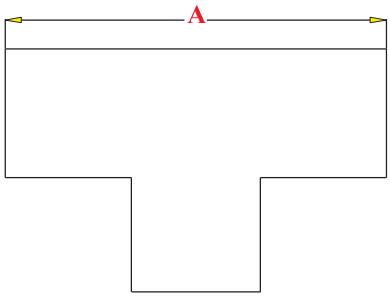

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension OD	ID	A	B
ITE16	Ø 16mm	20	16	57.8	36.5
ITE20	Ø 20mm	24	20	71	45.5
ITE25	Ø 25mm	29	25	85	55
ITE32	Ø 32mm	37	32	89	63.5

KHỚP NỐI CHỮ T CÓ NẮP PVC / PVC INSPECTION TEES WITH COVER

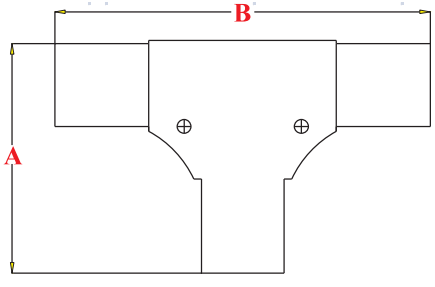

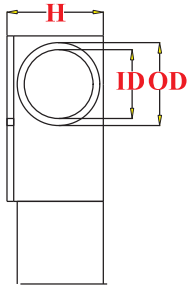

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension OD	ID	H	A	B
ITC16	Ø 16mm	20	16	24	104	36.5
ITC20	Ø 20mm	24	20	28	109	45.5
ITC25	Ø 25mm	29	25	37	123	55
ITC32	Ø 32mm	37	32	46	136	63.5

KẸP ĐỠ ỐNG PVC - PVC CONDUIT CLIPS

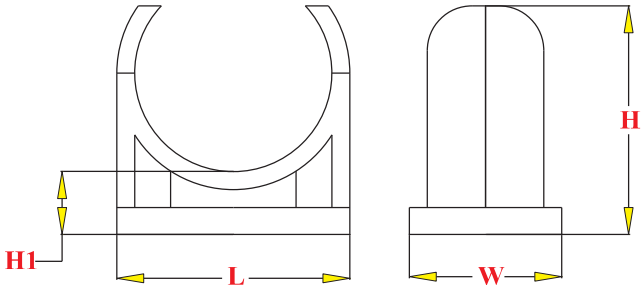

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension H	H1	L	W
MCL16	Ø 16mm	20.8	6	20.5	17
MCL20	Ø 20mm	25.5	7	26	17
MCL25	Ø 25mm	31.5	7.8	30.5	17
MCL32	Ø 32mm	34.5	8.2	37.5	20

KHỚP NỐI GIẢM PVC / PVC REDUCER MALE BUSHER

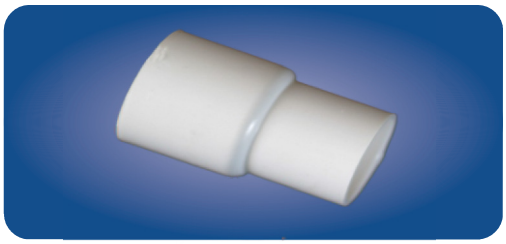

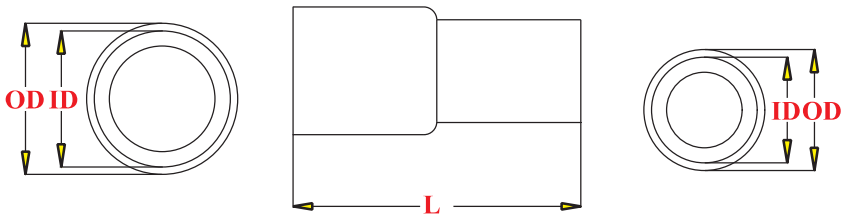

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension OD1	ID1	OD2	ID2	L
RED20/16	Ø20mm (giảm xuống / reduce) Ø 16mm	22.8	20	18.8	16	34
RED25/20	Ø25mm (giảm xuống / reduce) Ø 20mm	28.8	25	23.8	20	45
RED32/25	Ø32mm (giảm xuống / reduce) Ø 25mm	35.5	32	28.8	25	53
RED40/32	Ø40mm (giảm xuống / reduce) Ø 32mm	44.5	40	34	32	53.5

KHỚP NỐI REN PVC - PVC THREADED MALE BUSHER

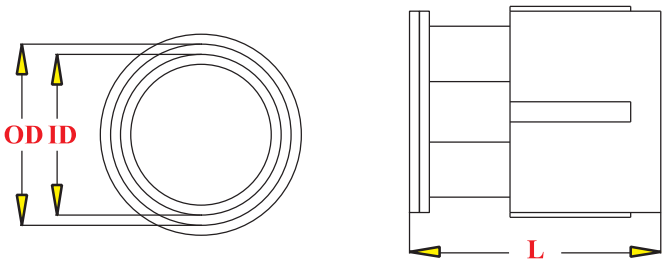

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension OD	ID	L
SCO16	Ø 16mm	17.5	16	33
SCO20	Ø 20mm	21.8	20	33
SCO25	Ø 25mm	26.9	25	41
SCO32	Ø 32mm	34.3	32	50

HỘP NỐI 1 ĐƯỜNG PVC - PVC ONE-WAY JUNCTION BOX

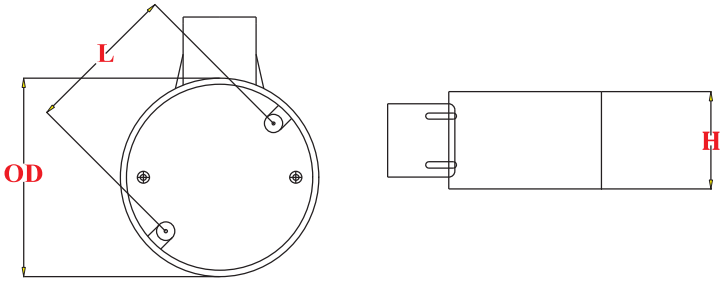

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension OD	L	H
JBO16/1	Ø 16mm	65	50	32
JBO20/1	Ø 20mm	65	50	32
JBO25/1	Ø 25mm	65	50	32
JBO32/1	Ø 32 mm	65	50	32

HỘP NỐI 2 ĐƯỜNG VUÔNG GÓC PVC - PVC TWO-WAY JUNCTION BOX ANGLED

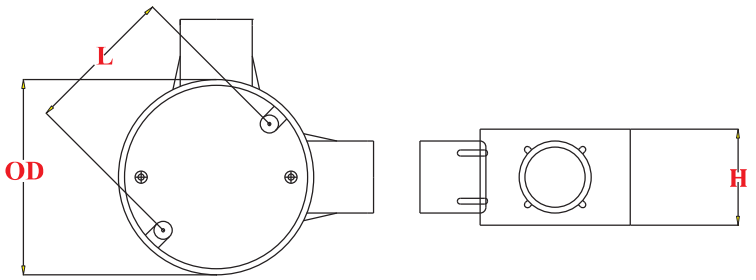

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension OD	L	H
JBO16/A2	Ø 16mm	65	50	32
JBO20/A2	Ø 20mm	65	50	32
JBO25/A2	Ø 25mm	65	50	32
JBO32/A2	Ø 32 mm	65	50	32

HỘP NỐI 2 ĐƯỜNG PVC - PVC TWO-WAY JUNCTION BOX

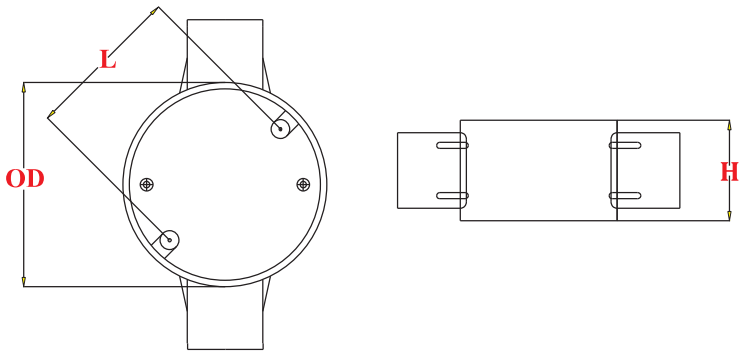

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension OD	L	H
JBO16/S2	Ø 16mm	65	50	32
JBO20/S2	Ø 20mm	65	50	32
JBO25/S2	Ø 25mm	65	50	32
JBO 32/S2	Ø 32 mm	65	50	32

HỘP NỐI 3 ĐƯỜNG PVC - PVC THREE-WAY JUNCTION BOX

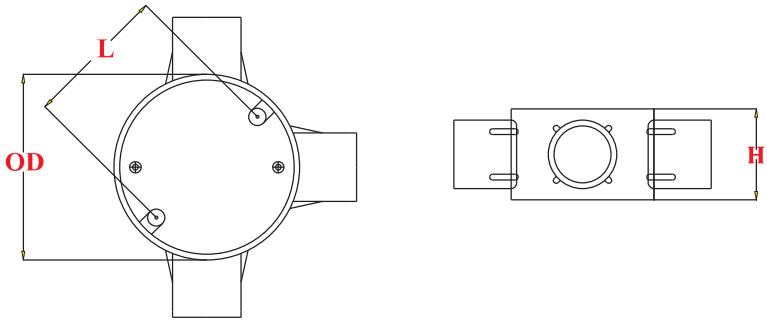

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension OD	L	H
JBO16/3	Ø 16mm	65	50	32
JBO20/3	Ø 20mm	65	50	32
JBO25/3	Ø 25mm	65	50	32
JBO32/3	Ø32 mm	65	50	32

HỘP NỐI 4 ĐƯỜNG PVC - PVC FOUR-WAY JUNCTION BOX

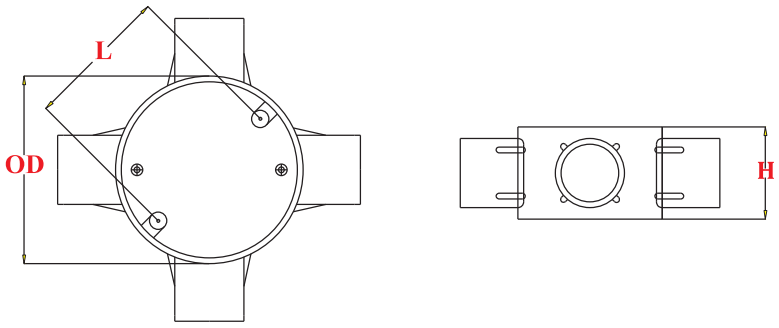

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension OD	L	H
JBO16/4	Ø 16mm	65	50	32
JBO20/4	Ø 20mm	65	50	32
JBO25/4	Ø 25mm	65	50	32
JBO32/4	Ø32 mm	65	50	32

NẮP ĐẬY HỘP NỐI TRÒN DÙNG VÍT PVC - PVC JUNCTION BOX LID

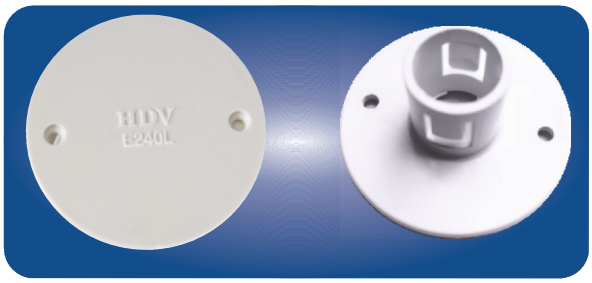

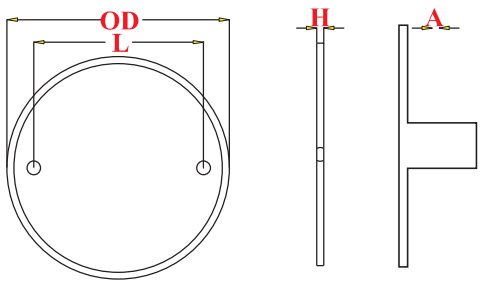

Mã số Code	Sử dụng cho hộp nối tròn Use for junction box	Kích thước / Dimension OD	L	H	A
JBO	Ø 16mm	65	50	2	24.5
JBO	Ø 20mm	65	50	2	24.5
JBO	Ø 25mm	65	50	2	24.5
JBO	Ø 32mm	65	50	2	24.5

CO NỐI CHỮ L - PVC INSPECTION ELBOWS

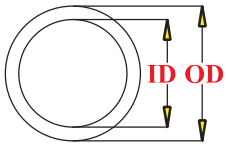

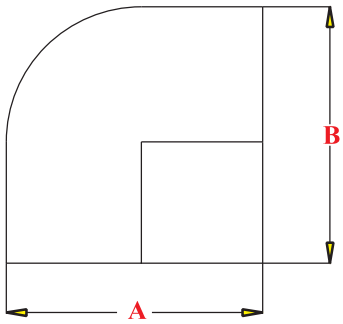

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension			
		OD	ID	A	B
IEL16	Ø 16mm	20	16	38	38
IEL20	Ø 20mm	24	20	45	45
IEL25	Ø 25mm	29	25	54	54
IEL32	Ø 32mm	37	32	65	65

CO NỐI CHỮ L NẮP PVC / PVC INSPECTION ELBOWS WITH COVER

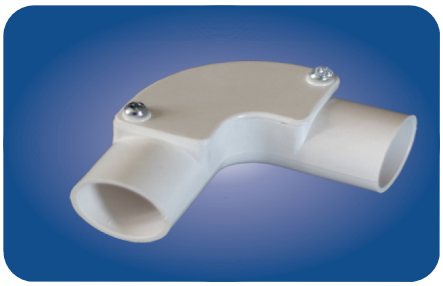

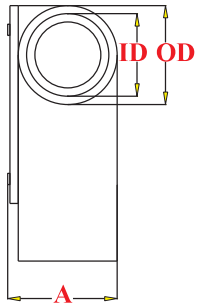

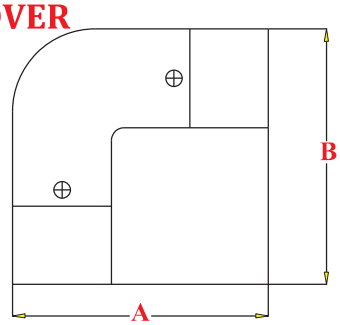

Mã số Code	Sử dụng cho ống luồn tròn Use for rigid conduit	Kích thước / Dimension				
		OD	ID	H	A	B
IEC16	Ø 16mm	20	16	27	51	51
IEC20	Ø 20mm	24	20	27.5	62	62
IEC25	Ø 25mm	29	25	32	70	70
IEC32	Ø 32mm	37	32	41	85	85

HDV®
Head Driving Victory

ISO 9001 : 2015 BS EN 61386-21:2004 QUATEST3 IEC 61386

CÁCH CHỌN ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN

A. **Dây điện dài không quá 3 mét:**

- Tính trị số dây điện theo bảng 1.
- So sánh với trị số ống theo bảng 2.
- Chọn ống điện có trị số cao hơn trị số ống điện.

Ví dụ: Chọn ống điện cho 3 dây 1.5mm^2 một lõi và 2 dây 2.5mm^2 nhiều lõi.
Ta có trị số dây điện:
3x27+2x43=167
Chọn ống điện D20 có trị số 460

B. **Dây điện dài trên 3 mét và có nhiều co góc:**

- Tính trị số dây theo bảng 3.
- So sánh với trị số ống theo bảng 4.
- Chọn ống điện có trị số cao hơn trị số ống điện.

Ví dụ: Chọn ống điện cho 4 dây 1.5mm^2 và 2 dây 4.0mm^2 dài 10 mét qua hai co góc 90^0.
Ta có trị số dây điện:
4x22+2x43=167
Chọn ống điện D25 có trị số 260

METHODS SELECT CONDUIT

A. **Conduit line with length not more than 3m:**

- Calculate value of cable follow table 1.
- Compare with value of conduit follow table 2.
- Select conduit have value higher than value of cable.

Example: Select conduit for 3 cable 1.5mm^2 one thread and 2 cable 2.5mm^2 multi thread.
We have value of cable: 3x27+2x43=167.
Select conduit D20 have value 460.

B. **Conduit line with length more than 3m on which there are many bends:**

- Calculated value of cable follow table 3.
- Compare with value of conduit follow table 4.
- Select conduit have value higher than value of cable.

Example: Select conduit for 4 cable 1.5mm^2 one thread and 2 cable 4.0mm^2 multi thread 10m, have two bends 90^0.
We have value of cable: 4x22+2x43=167.
Select conduit D25 have value 260.

Bảng 1 Table 1 — Trị số dây điện đường dây ngắn và thẳng / Short and straight line parameters

	Tiết diện dây(mm2) Wire cross section (mm2)	Trị số Value
Dây đơn 1 lõi One-thread Single conductor	1	22
	1.5	27
	2.5	39
Dây đơn nhiều lõi Multi-thread Single conductor	1.5	31
	2.5	43
	4	58
	6	88
	10	146

Bảng 2 Table 2 — Trị số ống điện (đường dây ngắn) / Conduit parameter (short line)

Đường kính ống(mm) Conduit diameter(mm)	Trị số Value
20	460
25	800
32	1400

Bảng 3 Table 3 — Trị số dây điện đường dây dài và gấp khúc / Long broken line parameters

	Tiết diện dây(mm2) Wire cross section (mm2)	Trị số Value
Dây đơn 1 lõi hoặc nhiều lõi Single conductor with one-thread or multi-thread	1	16
	1.5	22
	2.5	30
	4	43
	6	58
	10	100

Bảng 4 Table 4 — Trị số ống điện (bao gồm cả gấp khúc) / Conduit parameter (in cluding bend anh turn)

Chiều dài ống (m) Length	Đường kính ống (mm) Diameter (mm)														
	20	25	32	20	25	32	20	25	32	20	25	32	20	25	32
	Đường dây thẳng Straight line			Có 1 chổ gấp khúc With 1 bend			Có 2 chổ gấp khúc With 2 bends			Có 3 chổ gấp khúc With 3 bends			Có 4 chổ gấp khúc With 4 bends		
1	Như bảng 1-bảng 2 As table 1-table 2			303	543	947	286	514	900	256	463	818	213	388	692
1.5				294	528	923	270	487	857	233	422	750	182	333	600
2				286	514	900	256	463	818	213	388	692	159	292	529
2.5				278	500	878	244	442	783	196	358	643	141	260	474
3				270	487	857	233	422	750	182	333	600			
3.5	290	520	911	263	475	837	222	404	720	169	311	563			
4	286	514	900	256	463	810	213	388	292	159	292	529			
4.5	282	507	889	250	452	800	204	373	667	149	275	500			
5	278	500	878	244	442	783	196	358	643	141	260	474			
6	270	487	857	233	422	750	182	333	600						
7	263	475	837	222	404	720	169	311	563						
8	256	463	818	213	388	692	159	292	529						
9	250	452	800	204	373	667	149	275	500						
10	244	442	783	196	358	643	141	260	474						

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

KT3-00078ADI3/1 | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** / TEST REPORT | 03/02/2023 | Page 01/03

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN PVC Ø 16 HDV**
2. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01 (10 ống x 1,2 m)
3. Mô tả mẫu / *Description* : Ống luồn dây điện PVC Ø16 mm (CO16 mm – 750N); Hiệu: HDV.
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 01/02/2023 – 03/02/2023
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYÊN 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử / *Test method* : BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010 Conduit systems for cable management Part 21: Particular requirements - Rigid conduit systems
8. Kết quả thử nghiệm / *Test result* : Xem trang 02/03 – 03/03 / *See pages*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN / *PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.*
Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM / *HEAD OF TESTING LAB.*
Nguyễn Tấn Tùng

BI115 (04/2020) | MB5 – TTTN09

KT3-00078ADI3/1 | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** / TEST REPORT | 03/02/2023 | Page 02/03

BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010

Điều / *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm / *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú / *Result - Remark*	Nhận xét / *Verdict*
8	Kích thước / *Dimension*, mm		-
	• Đường kính ngoài / *Outside diameter*	16,0	
	• Đường kính trong / *Inside diameter*	13,1	
	• Chiều dày / *Thickness*	1,4	
10.2	Thử nén với lực / *Compression test*	Loại trung bình (750 N) / *Medium*	Đạt / *Pass*
	• Độ biến dạng khi nén, % / *Deformation during compression*	13,6	Đạt / *Pass*
	• Độ biến dạng sau khi nén, % / *Deformation after compression*	1,2	Đạt / *Pass*
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không bị nứt / *Does not crack*	Đạt / *Pass*
10.3	Thử va đập / *Impact test*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	(Nhiệt độ thử - 5 °C; vật va đập có khối lượng 2 kg rơi từ độ cao 100 mm) / *(temperature test : - 5 °C; with impact mass of 2 kg at 100 mm)*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không bị nứt / *Does not crack*	Đạt / *Pass*
	• Kiểm tra kích thước bằng cỡ thử / *Verification of dimension by the appropriate gauge*	Cỡ xuyên qua mẫu thử / *The appropriate gauge pass through the sample*	Đạt / *Pass*
10.4	Thử bẻ cong / *Bending test*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	Nhiệt độ thấp (-5 °C) / *Low temperature (- 5 °C)*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*
10.6	Thử bẻ gập / *Collapse test*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	Nhiệt độ cao (60 °C) / *High temperature (60 °C)*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*

KT3-00078ADI3/1 | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** / TEST REPORT | 03/02/2023 | Page 03/03

BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010

Điều / *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm / *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú / *Result - Remark*	Nhận xét / *Verdict*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện / *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt / *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 15 min / *Voltage test 2000 V for 15 min*	Chịu được / *Withstand*	Đạt / *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C , MΩ / *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	> 1000	Đạt / *Pass*
12	Đặc tính nhiệt / *Thermal properties*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	Thử nén 2 kg ở (60±2) °C trong 24 h / *Compression test 2 kg at (60±2) °C for 24 h*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*
13	Khả năng chịu cháy / *Resistance to burning*	Mẫu tự tắt trong vòng 30 s / *Flames extinguish themselves within 30 s*	Đạt / *Pass*

Ghi chú / *Notice:*

Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
Không đạt / *Fail* : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu / *Test item does not meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

KT3-00078ADI3/2 | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** / TEST REPORT | 03/02/2023 | Page 01/03

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN PVC Ø 20 HDV**
2. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01 (10 ống x 1,2 m)
3. Mô tả mẫu / *Description* : Ống luồn dây điện PVC Ø20 mm (CO20 mm – 750N); Hiệu: HDV.
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 01/02/2023 – 03/02/2023
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYÊN 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử / *Test method* : BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010 Conduit systems for cable management Part 21: Particular requirements - Rigid conduit systems
8. Kết quả thử nghiệm / *Test result* : Xem trang 02/03 – 03/03 / *See pages*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN / *PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.*
Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM / *HEAD OF TESTING LAB.*
Nguyễn Tấn Tùng

BI115 (04/2020) | MB5 – TTTN09

KT3-00078ADI3/2 | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** / TEST REPORT | 03/02/2023 | Page 02/03

BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010

Điều / *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm / *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú / *Result - Remark*	Nhận xét / *Verdict*
8	Kích thước / *Dimension*, mm		-
	• Đường kính ngoài / *Outside diameter*	20,0	
	• Đường kính trong / *Inside diameter*	16,9	
	• Chiều dày / *Thickness*	1,5	
10.2	Thử nén với lực / *Compression test*	Loại trung bình (750 N) / *Medium*	Đạt / *Pass*
	• Độ biến dạng khi nén, % / *Deformation during compression*	14,1	Đạt / *Pass*
	• Độ biến dạng sau khi nén, % / *Deformation after compression*	2,2	Đạt / *Pass*
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không bị nứt / *Does not crack*	Đạt / *Pass*
10.3	Thử va đập / *Impact test*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	(Nhiệt độ thử - 5 °C; vật va đập có khối lượng 2 kg rơi từ độ cao 100 mm) / *(temperature test : - 5 °C; with impact mass of 2 kg at 100 mm)*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không bị nứt / *Does not crack*	Đạt / *Pass*
	• Kiểm tra kích thước bằng cỡ thử / *Verification of dimension by the appropriate gauge*	Cỡ xuyên qua mẫu thử / *The appropriate gauge pass through the sample*	Đạt / *Pass*
10.4	Thử bẻ cong / *Bending test*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	Nhiệt độ thấp (-5 °C) / *Low temperature (- 5 °C)*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*
10.6	Thử bẻ gập / *Collapse test*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	Nhiệt độ cao (60 °C) / *High temperature (60 °C)*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*

KT3-00078ADI3/2 | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** / TEST REPORT | 03/02/2023 | Page 03/03

BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010

Điều / *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm / *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú / *Result - Remark*	Nhận xét / *Verdict*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện / *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt / *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 15 min / *Voltage test 2000 V for 15 min*	Chịu được / *Withstand*	Đạt / *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C , MΩ / *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	> 1000	Đạt / *Pass*
12	Đặc tính nhiệt / *Thermal properties*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	Thử nén 2 kg ở (60±2) °C trong 24 h / *Compression test 2 kg at (60±2) °C for 24 h*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*
13	Khả năng chịu cháy / *Resistance to burning*	Mẫu tự tắt trong vòng 30 s / *Flames extinguish themselves within 30 s*	Đạt / *Pass*

Ghi chú / *Notice:*

Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
Không đạt / *Fail* : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu / *Test item does not meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

KT3-00078ADI3/3 — **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST REPORT** — 03/02/2023 — Page 01/03

1. Tên mẫu / *Name of sample* : ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN PVC Ø 25 HDV
2. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01 (10 ống x 1,2 m)
3. Mô tả mẫu / *Description* : Ống luồn dây điện PVC Ø25 mm (CO25 mm – 750N); Hiệu: HDV.
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 01/02/2023 – 03/02/2023
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYÊN 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử / *Test method* : BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010 Conduit systems for cable management Part 21: Particular requirements - Rigid conduit systems
8. Kết quả thử nghiệm / *Test result* : Xem trang 02/03 – 03/03 / *See pages*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN / ***PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.*** — Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR* **TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM** / ***HEAD OF TESTING LAB.*** — Ngô Tấn Tùng

Lần ban đầu: 1 — BH15 (04/2020) — M01 – TTTN09

KT3-00078ADI3/3 — **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST REPORT** — 03/02/2023 — Page 02/03

BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010

Điều / *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm / *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú / *Result - Remark*	Nhận xét / *Verdict*
8	Kích thước / *Dimension,* mm		-
	• Đường kính ngoài / *Outside diameter*	24,9	
	• Đường kính trong / *Inside diameter*	21,4	
	• Chiều dày / *Thickness*	1,8	
10.2	Thử nén với lực / *Compression test*	Loại trung bình (750 N) / *Medium*	Đạt / *Pass*
	• Độ biến dạng khi nén, % / *Deformation during compression*	9,2	Đạt / *Pass*
	• Độ biến dạng sau khi nén, % / *Deformation after compression*	1,0	Đạt / *Pass*
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không bị nứt / *Does not crack*	Đạt / *Pass*
10.3	Thử va đập / *Impact test*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	(Nhiệt độ thử - 5 °C; vật va đập có khối lượng 2 kg rơi từ độ cao 100 mm) / *(temperature test : - 5 °C; with impact mass of 2 kg at 100 mm)*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không bị nứt / *Does not crack*	Đạt / *Pass*
	• Kiểm tra kích thước bằng cỡ thử / *Verification of dimension by the appropriate gauge*	Cỡ xuyên qua mẫu thử / *The appropriate gauge pass through the sample*	Đạt / *Pass*
10.4	Thử bẻ cong / *Bending test*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	Nhiệt độ thấp (-5 °C) / *Low temperature (- 5 °C)*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*
10.6	Thử bẻ gập / *Collapse test*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	Nhiệt độ cao (60 °C) / *High temperature (60 °C)*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*

KT3-00078ADI3/3 — **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST REPORT** — 03/02/2023 — Page 03/03

BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010

Điều / *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm / *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú / *Result - Remark*	Nhận xét / *Verdict*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện / *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt / *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 15 min / *Voltage test 2000 V for 15 min*	Chịu được / *Withstand*	Đạt / *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C , MΩ / *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	> 1000	Đạt / *Pass*
12	Đặc tính nhiệt / *Thermal properties*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	Thử nén 2 kg ở (60±2) °C trong 24 h / *Compression test 2 kg at (60±2) °C for 24 h*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*
13	Khả năng chịu cháy / *Resistance to burning*	Mẫu tự tắt trong vòng 30 s / *Flames extinguish themselves within 30 s*	Đạt / *Pass*

Ghi chú / *Notice:*
Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
Không đạt / *Fail* : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu / *Test item does not meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

KT3-00078ADI3/4 — **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST REPORT** — 03/02/2023 — Page 01/03

1. Tên mẫu / *Name of sample* : ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN PVC Ø 32 HDV
2. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01 (10 ống x 1,2 m)
3. Mô tả mẫu / *Description* : Ống luồn dây điện PVC Ø32 mm (CO32 mm – 750N); Hiệu: HDV.
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 01/02/2023 – 03/02/2023
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYÊN 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử / *Test method* : BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010 Conduit systems for cable management Part 21: Particular requirements - Rigid conduit systems
8. Kết quả thử nghiệm / *Test result* : Xem trang 02/03 – 03/03 / *See pages*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN / ***PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.*** — Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR* **TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM** / ***HEAD OF TESTING LAB.*** — Ngô Tấn Tùng

Lần ban đầu: 1 — BH15 (04/2020) — M01 – TTTN09

KT3-00078ADI3/4 — **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST REPORT** — 03/02/2023 — Page 02/03

BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010

Điều / *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm / *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú / *Result - Remark*	Nhận xét / *Verdict*
8	Kích thước / *Dimension,* mm		-
	• Đường kính ngoài / *Outside diameter*	32,0	
	• Đường kính trong / *Inside diameter*	28,1	
	• Chiều dày / *Thickness*	2,0	
10.2	Thử nén với lực / *Compression test*	Loại trung bình (750 N) / *Medium*	Đạt / *Pass*
	• Độ biến dạng khi nén, % / *Deformation during compression*	7,6	Đạt / *Pass*
	• Độ biến dạng sau khi nén, % / *Deformation after compression*	1,0	Đạt / *Pass*
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không bị nứt / *Does not crack*	Đạt / *Pass*
10.3	Thử va đập / *Impact test*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	(Nhiệt độ thử - 5 °C; vật va đập có khối lượng 2 kg rơi từ độ cao 100 mm) / *(temperature test : - 5 °C; with impact mass of 2 kg at 100 mm)*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không bị nứt / *Does not crack*	Đạt / *Pass*
	• Kiểm tra kích thước bằng cỡ thử / *Verification of dimension by the appropriate gauge*	Cỡ xuyên qua mẫu thử / *The appropriate gauge pass through the sample*	Đạt / *Pass*
10.4	Thử bẻ cong / *Bending test*		N/A
10.6	Thử bẻ gập / *Collapse test*		N/A

KT3-00078ADI3/4 — **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST REPORT** — 03/02/2023 — Page 03/03

BS EN 61386-21 : 2004 + A11 : 2010

Điều / *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm / *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú / *Result - Remark*	Nhận xét / *Verdict*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện / *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt / *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 15 min / *Voltage test 2000 V for 15 min*	Chịu được / *Withstand*	Đạt / *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C , MΩ / *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	> 1000	Đạt / *Pass*
12	Đặc tính nhiệt / *Thermal properties*		Đạt / *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm / *Test condition*	Thử nén 2 kg ở (60±2) °C trong 24 h / *Compression test 2 kg at (60±2) °C for 24 h*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử / *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*
13	Khả năng chịu cháy / *Resistance to burning*	Mẫu tự tắt trong vòng 30 s / *Flames extinguish themselves within 30 s*	Đạt / *Pass*

Ghi chú / *Notice:*
Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
Không đạt / *Fail* : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu / *Test item does not meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

KT3-00079ADI3/1 — 01/02/2023 — Page 01/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu *Name of sample*	:	ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN MỀM (RUỘT GÀ) PVC Ø 16 HDV
2. Số lượng mẫu *Quantity*	:	01 (cuộn)
3. Mô tả mẫu *Description*	:	Ống gân luồn dây điện PVC Ø16 mm. Hiệu: HDV
4. Ngày nhận mẫu *Date of receiving*	:	16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm *Testing duration*	:	30/01/2023 – 31/01/2023
6. Nơi gửi mẫu *Customer*	:	**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYÊN** **158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử *Test method*	:	BS EN 61386-22 : 2021 + A11 : 2010 Conduit systems for cable management Part 22 : Particular requirements PLIABLE CONDUIT SYSTEMS
8. Kết quả thử nghiệm *Test result*	:	Xem trang 02/02 *See page*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN
PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.
Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Nguyễn Tấn Tùng

Lần sửa đổi: 1 — BH15 (04/2020) — M01 – TTTN09

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

KT3-00079ADI3/2 — 01/02/2023 — Page 01/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu *Name of sample*	:	ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN MỀM (RUỘT GÀ) PVC Ø 20 HDV
2. Số lượng mẫu *Quantity*	:	01 (cuộn)
3. Mô tả mẫu *Description*	:	Ống gân luồn dây điện PVC Ø20 mm. Hiệu: HDV
4. Ngày nhận mẫu *Date of receiving*	:	16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm *Testing duration*	:	30/01/2023 – 31/01/2023
6. Nơi gửi mẫu *Customer*	:	**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYÊN** **158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử *Test method*	:	BS EN 61386-22 : 2021 + A11 : 2010 Conduit systems for cable management Part 22 : Particular requirements PLIABLE CONDUIT SYSTEMS
8. Kết quả thử nghiệm *Test result*	:	Xem trang 02/02 *See page*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN
PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.
Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Nguyễn Tấn Tùng

Lần sửa đổi: 1 — BH15 (04/2020) — M01 – TTTN09

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

KT3-00079ADI3/3 — 01/02/2023 — Page 01/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu *Name of sample*	:	ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN MỀM (RUỘT GÀ) PVC Ø 25 HDV
2. Số lượng mẫu *Quantity*	:	01 (cuộn)
3. Mô tả mẫu *Description*	:	Ống gân luồn dây điện PVC Ø25 mm. Hiệu: HDV
4. Ngày nhận mẫu *Date of receiving*	:	16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm *Testing duration*	:	30/01/2023 – 31/01/2023
6. Nơi gửi mẫu *Customer*	:	**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYÊN** **158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử *Test method*	:	BS EN 61386-22 : 2021 + A11 : 2010 Conduit systems for cable management Part 22 : Particular requirements PLIABLE CONDUIT SYSTEMS
8. Kết quả thử nghiệm *Test result*	:	Xem trang 02/02 *See page*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN
PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.
Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Nguyễn Tấn Tùng

Lần sửa đổi: 1 — BH15 (04/2020) — M01 – TTTN09

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

KT3-00079ADI3/1 — 01/02/2023 — Page 02/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BS EN 61386-22 : 2021 + A11 : 2010

Điều *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú *Result - Remark*	Nhận xét *Verdict*
10.2	Thử nén với lực *Compression test*	Loại nhẹ (320 N) *Light*	Đạt *Pass*
	• Độ biến dạng khi nén, % *Deformation during compression*	13,9	Đạt *Pass*
	• Độ biến dạng sau khi nén, % *Deformation after compression*	2,1	Đạt *Pass*
	• Tình trạng mẫu sau khi thử *Sample after test*	Mẫu không bị nứt *Does not crack*	Đạt *Pass*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 15 min *Voltage test 2000 V for 15 min*	Chịu được *Withstand*	Đạt *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C , MΩ *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	1000	Đạt *Pass*
12	Đặc tính nhiệt *Thermal properties*		Đạt *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm *Test condition*	Thử nén 1 kg ở (60±2) °C trong 24 h *Compression test 1 kg at (60±2) °C for 24 h*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng *Does not impair*	Đạt *Pass*
13	Khả năng chịu cháy *Resistance to burning*	Mẫu tự tắt trong vòng 30 s *Flames extinguish themselves within 30 s*	Đạt *Pass*

Ghi chú / *Notice:*
Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

Lần sửa đổi: 1 — BH15 (04/2020) — M01 – TTTN09

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

KT3-00079ADI3/3 — 01/02/2023 — Page 02/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BS EN 61386-22 : 2021 + A11 : 2010

Điều *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú *Result - Remark*	Nhận xét *Verdict*
10.2	Thử nén với lực *Compression test*	Loại nhẹ (320 N) *Light*	Đạt *Pass*
	• Độ biến dạng khi nén, % *Deformation during compression*	5,4	Đạt *Pass*
	• Độ biến dạng sau khi nén, % *Deformation after compression*	0,4	Đạt *Pass*
	• Tình trạng mẫu sau khi thử *Sample after test*	Mẫu không bị nứt *Does not crack*	Đạt *Pass*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 15 min *Voltage test 2000 V for 15 min*	Chịu được *Withstand*	Đạt *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C , MΩ *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	1000	Đạt *Pass*
12	Đặc tính nhiệt *Thermal properties*		Đạt *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm *Test condition*	Thử nén 1 kg ở (60±2) °C trong 24 h *Compression test 1 kg at (60±2) °C for 24 h*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng *Does not impair*	Đạt *Pass*
13	Khả năng chịu cháy *Resistance to burning*	Mẫu tự tắt trong vòng 30 s *Flames extinguish themselves within 30 s*	Đạt *Pass*

Ghi chú / *Notice:*
Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

Lần sửa đổi: 1 — BH15 (04/2020) — M01 – TTTN09

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

KT3-00079ADI3/2 — 01/02/2023 — Page 02/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BS EN 61386-22 : 2021 + A11 : 2010

Điều *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú *Result - Remark*	Nhận xét *Verdict*
10.2	Thử nén với lực *Compression test*	Loại nhẹ (320 N) *Light*	Đạt *Pass*
	• Độ biến dạng khi nén, % *Deformation during compression*	10,5	Đạt *Pass*
	• Độ biến dạng sau khi nén, % *Deformation after compression*	1,5	Đạt *Pass*
	• Tình trạng mẫu sau khi thử *Sample after test*	Mẫu không bị nứt *Does not crack*	Đạt *Pass*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 15 min *Voltage test 2000 V for 15 min*	Chịu được *Withstand*	Đạt *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C , MΩ *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	1000	Đạt *Pass*
12	Đặc tính nhiệt *Thermal properties*		Đạt *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm *Test condition*	Thử nén 1 kg ở (60±2) °C trong 24 h *Compression test 1 kg at (60±2) °C for 24 h*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng *Does not impair*	Đạt *Pass*
13	Khả năng chịu cháy *Resistance to burning*	Mẫu tự tắt trong vòng 30 s *Flames extinguish themselves within 30 s*	Đạt *Pass*

Ghi chú / *Notice:*
Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

Lần sửa đổi: 1 — BH15 (04/2020) — M01 – TTTN09

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-00079AD3/4 — 01/02/2023 — Page 01/02

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN MỀM (RUỘT GÀ) PVC Ø 32 HDV**
2. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01 (cuộn)
3. Mô tả mẫu / *Description* : Ống gân luồn dây điện PVC Ø32 mm. Hiệu: HDV
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 30/01/2023 – 31/01/2023
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYÊN 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử / *Test method* : BS EN 61386-22 : 2021 + A11 : 2010 Conduit systems for cable management Part 22 : Particular requirements PLIABLE CONDUIT SYSTEMS
8. Kết quả thử nghiệm / *Test result* : Xem trang 02/02 / *See page*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN / ***PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.***
Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM / ***HEAD OF TESTING LAB.***
Nguyễn Tấn Tùng

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-00077AD3/1 — 31/01/2023 — Page 01/02

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **HỘP CHIA NGÃ Ø20 - HDV**
2. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01 (12 cái/ *pieces*)
3. Mô tả mẫu / *Description* : Hộp chia 3 ngã Ø 20 mm E240 SERIES – BS 4607. Hiệu: HDV
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 30/01/2023 - 31/01/2023
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYÊN 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử / *Test method* : BS 4607-5:1982+A3:2010
8. Kết quả thử nghiệm / *Test result* : Xem trang 02/02 / *See page*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN / ***PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.***
Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM / ***HEAD OF TESTING LAB.***
Nguyễn Tấn Tùng

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-00077AD3/2 — 31/01/2023 — Page 01/02

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **ĐẾ ÂM CHỐNG CHÁY – HDV**
2. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01 (12 cái/ *pieces*)
3. Mô tả mẫu / *Description* : Đế âm vuông tự chống cháy. Hiệu: HDV
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 30/01/2023 – 31/01/2023
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYÊN 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử / *Test method* : BS EN 61386-1 : 2008 Conduit systems for electrical installations Part 1: General requirements
8. Kết quả thử nghiệm / *Test result* : Xem trang 02/02 / *See page*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN / ***PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.***
Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM / ***HEAD OF TESTING LAB.***
Nguyễn Tấn Tùng

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-00079AD3/4 — 01/02/2023 — Page 02/02

BS EN 61386-22 : 2021 + A11 : 2010

Điều *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú *Result - Remark*	Nhận xét *Verdict*
10.2	Thử nén với lực *Compression test*	Loại nhẹ (320 N) *Light*	Đạt *Pass*
	• Độ biến dạng khi nén, % *Deformation during compression*	5,5	Đạt *Pass*
	• Độ biến dạng sau khi nén, % *Deformation after compression*	1,2	Đạt *Pass*
	• Tình trạng mẫu sau khi thử *Sample after test*	Mẫu không bị nứt *Does not crack*	Đạt *Pass*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 15 min *Voltage test 2000 V for 15 min*	Chịu được *Withstand*	Đạt *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C , MΩ *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	1000	Đạt *Pass*
12	Đặc tính nhiệt *Thermal properties*		Đạt *Pass*
	• Điều kiện thử nghiệm *Test condition*	Thử nén 1 kg ở (60±2) °C trong 24 h *Compression test 1 kg at (60±2) °C for 24 h*	-
	• Tình trạng mẫu sau khi thử *Sample after test*	Mẫu không hư hỏng *Does not impair*	Đạt *Pass*
13	Khả năng chịu cháy *Resistance to burning*	Mẫu tự tắt trong vòng 30 s *Flames extinguish themselves within 30 s*	Đạt *Pass*

Ghi chú / Notice:
Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-00077AD3/1 — 31/01/2023 — Page 02/02

BS 4607-5:1982+A3:2010

Điều *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú *Result - Remark*	Nhận xét *Verdict*
10.3	Thử va đập (Nhiệt độ thử - 5 °C; vật va đập có khối lượng 1 kg rơi từ độ cao 100 mm) *Impact test (temperature test : - 5 °C; with impact mass of 1 kg at 100 mm)*	Mẫu không hư hỏng *Does not impair*	Đạt *Pass*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 1 min *Voltage test 2000 V for 1 min*	Chịu được *Withstand*	Đạt *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C , MΩ *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	1000	Đạt *Pass*

Ghi chú / Notice:
Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
Không đạt / *Fail* : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu / *Test item does not meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-00077AD3/2 — 31/01/2023 — Page 02/02

BS EN 61386-1 : 2008

Điều *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú *Result - Remark*	Nhận xét *Verdict*
10.3	Thử va đập (Nhiệt độ thử - 5 °C; vật va đập có khối lượng 1 kg rơi từ độ cao 100 mm) *Impact test (temperature test : - 5 °C; with impact mass of 1 kg at 100 mm)*	Mẫu không hư hỏng *Does not impair*	Đạt *Pass*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 1 h *Voltage test 2000 V for 1 h*	Chịu được *Withstand*	Đạt *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C , MΩ *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	1000	Đạt *Pass*

Ghi chú / Notice:
Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
Không đạt / *Fail* : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu / *Test item does not meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUATEST 3® QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-00077ADI3/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/01/2023
Page 01/02

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **HỘP BOX (NỐI DÂY) 100x100x50 PVC – HDV**
2. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01 (10 cái/ *pieces*)
3. Mô tả mẫu / *Description* : Hộp nối dây (chống cháy) size 100 mm x 100 mm. Hiệu: HDV
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 30/01/2023 – 31/01/2023
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYỄN 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử / *Test method* : BS EN 61386-1 : 2008 Conduit systems for electrical installations Part 1: General requirements
8. Kết quả thử nghiệm / *Test result* : Xem trang 02/02 / *See page*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN
PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.
Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Nguyễn Tấn Tùng

Lần sửa đổi: 1 BH15 (04/2020) M03 – TTTN09

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUATEST 3® QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-00077ADI3/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/01/2023
Page 01/02

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NỐI TRƠN PVC Ø20 - HDV**
2. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01 (12 cái/ *pieces*)
3. Mô tả mẫu / *Description* : Khớp nối trơn Ø20 mm. Hiệu: HDV
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 30/01/2023 - 31/01/2023
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYỄN 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử / *Test method* : BS 4607-5:1982+A3:2010
8. Kết quả thử nghiệm / *Test result* : Xem trang 02/02 / *See page*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN
PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.
Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Nguyễn Tấn Tùng

Lần sửa đổi: 1 BH15 (04/2020) M03 – TTTN09

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUATEST 3® QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-00077ADI3/5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/01/2023
Page 01/02

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NỐI RĂNG PVC Ø20 - HDV**
2. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01 (12 cái/ *pieces*)
3. Mô tả mẫu / *Description* : Khớp nối ren Ø20 mm. Hiệu: HDV
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 16/01/2023
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 30/01/2023 - 31/01/2023
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYỄN 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử / *Test method* : BS 4607-5:1982+A3:2010
8. Kết quả thử nghiệm / *Test result* : Xem trang 02/02 / *See page*

TL. TRƯỞNG PTN ĐIỆN
PP. HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.
Nguyễn Ngọc Tuấn

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
Nguyễn Tấn Tùng

Lần sửa đổi: 1 BH15 (04/2020) M03 – TTTN09

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUATEST 3® QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-00077ADI3/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/01/2023
Page 02/02

BS EN 61386-1 : 2008

Điều / *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm / *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú / *Result - Remark*	Nhận xét / *Verdict*
10.3	Thử va đập (Nhiệt độ thử - 5 °C; vật va đập có khối lượng 1 kg rơi từ độ cao 100 mm) / *Impact test (temperature test : - 5 °C; with impact mass of 1 kg at 100 mm)*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện / *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt / *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 1 h / *Voltage test 2000 V for 1 h*	Chịu được / *Withstand*	Đạt / *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C, MΩ / *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	1000	Đạt / *Pass*

Ghi chú / *Notice:*

Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
Không đạt / *Fail* : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu / *Test item does not meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUATEST 3® QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-00077ADI3/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/01/2023
Page 02/02

BS 4607-5:1982+A3:2010

Điều / *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm / *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú / *Result - Remark*	Nhận xét / *Verdict*
10.3	Thử va đập (Nhiệt độ thử - 5 °C; vật va đập có khối lượng 1 kg rơi từ độ cao 100 mm) / *Impact test (temperature test : - 5 °C; with impact mass of 1 kg at 100 mm)*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện / *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt / *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 1 min / *Voltage test 2000 V for 1 min*	Chịu được / *Withstand*	Đạt / *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C, MΩ / *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	1000	Đạt / *Pass*

Ghi chú / *Notice:*

Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
Không đạt / *Fail* : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu / *Test item does not meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUATEST 3® QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-00077ADI3/5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/01/2023
Page 02/02

BS 4607-5:1982+A3:2010

Điều / *Clause*	Yêu cầu - Thử nghiệm / *Requirement - Test*	Kết quả - Ghi chú / *Result - Remark*	Nhận xét / *Verdict*
10.3	Thử va đập (Nhiệt độ thử - 5 °C; vật va đập có khối lượng 1 kg rơi từ độ cao 100 mm) / *Impact test (temperature test : - 5 °C; with impact mass of 1 kg at 100 mm)*	Mẫu không hư hỏng / *Does not impair*	Đạt / *Pass*
11.3	Độ bền điện và điện trở cách điện / *Dielectric strength and insulation resistance*		Đạt / *Pass*
	• Thử chịu điện áp 2000 V trong 1 min / *Voltage test 2000 V for 1 min*	Chịu được / *Withstand*	Đạt / *Pass*
	• Điện trở cách điện ở (23 ± 2) °C, MΩ / *Insulation resistance at (23 ± 2) °C*	1000	Đạt / *Pass*

Ghi chú / *Notice:*

Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
Không đạt / *Fail* : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu / *Test item does not meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*

https://kimquang.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU
Số: 161987

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGỌC NGUYỄN (VN)
19/4X Phạm Văn Chiêu, tổ 40, phường 9, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Số đơn: 4-2009-16784

Ngày nộp đơn: 11.08.2009

Cấp theo **Quyết định số**: 7081/QĐ-SHTT, **ngày**: 19.04.2011

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

C.H.X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
NATIONAL OFFICE OF INTELLECTUAL PROPERTY OF VIETNAM
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Trần Hữu Nam

VN 4-0161987

https://kimquang.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 161987

Mẫu nhãn hiệu:

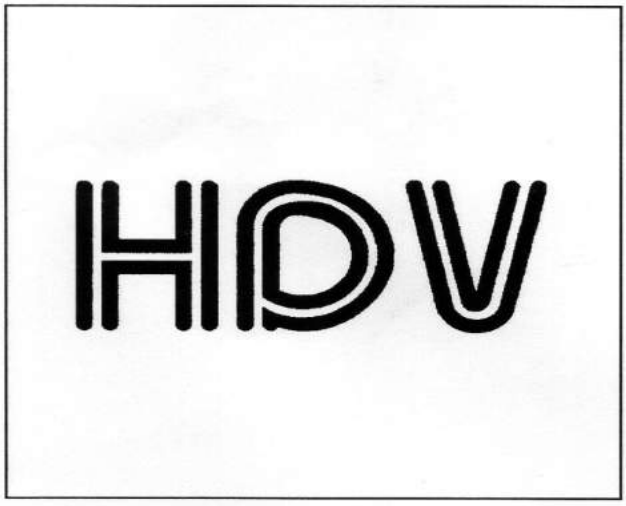

Mầu sắc nhãn hiệu:

Loại nhãn hiệu: Thông thường

Nội dung khác:

Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhóm 09: Hộp nối đầu dây (điện); ống nối cho dây cáp điện; bộ nối (điện), vỏ bọc đường dây điện bên ngoài; phích cắm điện, ổ cắm điện.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 161987

Sửa đổi, gia hạn:

SỬA ĐỔI Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 161987

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

Công ty TNHH sản xuất thương mại Ngọc Nguyễn (VN)

158/56/11 Phạm Văn Chiêu, phường 9, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 103819/QĐ-SHTT, ngày: 21/11/2019

GIA HẠN Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 161987

đến ngày: 11/08/2029

Quyết định gia hạn số: 103820/QĐ-SHTT, ngày: 21/11/2019

https://kimquang.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HT 1651-23

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYỄN

158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Xưởng sản xuất: 359 Thống Nhất, Phường 11, quận Gò Vấp,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 9001:2015

Hệ thống Quản lý Chất lượng

cho lĩnh vực:

Sản xuất và kinh doanh ống luồn dây điện, phụ kiện PVC dùng cho ngành điện mang nhãn hiệu HDV

Giấy chứng nhận này có giá trị từ:
13 / 06 / 2023 đến 12 / 06 / 2026

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn

ISSQ ISO 9001:2015

8 935304 700368

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Ngô Tất Thắng

TCVN
QCVN
ASTM
JIS
IEC
ISO

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Văn phòng: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn

https://kimquang.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN
CERTIFICATE OF CONFORMITY

Số: SP 1614-23

Chứng nhận sản phẩm/*This is to certify that:*

Ống luồn dây điện (ống cứng) và phụ kiện PVC

(Danh mục chi tiết sản phẩm kèm theo Quyết định số: 16110/QĐ-ISSQ ngày 13 tháng 06 năm 2023)

Nhãn hiệu thương mại: HDV

Được sản xuất bởi/*Manufactured by:*

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYỄN

Địa chỉ/*Address:*

158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Xưởng sản xuất: 359 Thống Nhất, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với/*Conforms to:*

BS EN 61386-21:2004 +A11:2010 & IEC 61386-21:2002

Phương thức chứng nhận/*Certification system:*

Phương thức 5/*System 5*

Giấy chứng nhận có giá trị/*This certificate is valid from:*

Từ ngày 13 tháng 06 năm 2023 đến ngày 12 tháng 06 năm 2026

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn

8 935304 700689

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Ngô Tất Thắng

TCVN
QCVN
ASTM
JIS
IEC
ISO

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Văn phòng: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn

https://kimquang.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN
CERTIFICATE OF CONFORMITY

Số: SP 2401-23

Chứng nhận sản phẩm/*This is to certify that:*

Ống luồn dây điện PVC (ống mềm)

(Danh mục chi tiết sản phẩm kèm theo Quyết định số: 16109/QĐ-ISSQ ngày 13 tháng 06 năm 2023)

Nhãn hiệu thương mại: HDV

Được sản xuất bởi/*Manufactured by:*

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYỄN

Địa chỉ/*Address:*

158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Xưởng sản xuất: 359 Thống Nhất, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với/*Conforms to:*

BS EN 61386-22:2004 + A11:2010 & IEC 61386-22:2002

Phương thức chứng nhận/*Certification system:*

Phương thức 5/*System 5*

Giấy chứng nhận có giá trị/*This certificate is valid from:*

Từ ngày 13 tháng 06 năm 2023 đến ngày 12 tháng 06 năm 2026

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn

8 935304 700689

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Ngô Tất Thắng

TCVN
QCVN
ASTM
JIS
IEC
ISO

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Văn phòng: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn

https://kimquang.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN
CERTIFICATE OF CONFORMITY

Số: SP 2400-23

Chứng nhận sản phẩm/*This is to certify that:*

Phụ kiện cách điện PVC

(Danh mục chi tiết sản phẩm kèm theo Quyết định số: 16108/QĐ-ISSQ ngày 13 tháng 06 năm 2023)

Nhãn hiệu thương mại: HDV

Được sản xuất bởi/*Manufactured by:*

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYỄN

Địa chỉ/*Address:*

158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Xưởng sản xuất: 359 Thống Nhất, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với/*Conforms to:*

BS 4607-5:1982+A3:2010

Phương thức chứng nhận/*Certification system:*

Phương thức 5/*System 5*

Giấy chứng nhận có giá trị/*This certificate is valid from:*

Từ ngày 13 tháng 06 năm 2023 đến ngày 12 tháng 06 năm 2026

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn

8 935304 700689

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Ngô Tất Thắng

TCVN
QCVN
ASTM
JIS
IEC
ISO

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Văn phòng: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn

https://kimquang.vn

HDV
Head Driving Victory

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

CÔNG BỐ CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM

Sản phẩm : **ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN BẰNG NHỰA PVC và PHỤ KIỆN BẰNG NHỰA PVC**
Nhãn hiệu: **HDV**
Được sản xuất tại: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYỄN**
Địa chỉ : **158/56/11 Phạm Văn Chiêu, P.9, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Điện thoại: **028. 39212 101 / 028. 39 212 096** Fax: **028. 39 212 099**

Sản phẩm Ống luồn dây điện và phụ kiện HDV đã công bố hợp Chuẩn theo tiêu chuẩn:

BS EN 61386-21:2004+A11:2010 & IEC 61386-21:2002
Conduit systems for cable management - Part 21: Particular requirements – Rigid conduit systems
được Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 3 cấp

Căn cứ công bố hợp chuẩn:

-Giấy chứng nhận Phù Hợp Tiêu Chuẩn số SP1614-23 - BS EN 61386-21:2004+A11:2010 & IEC 61386 21:2002 có giá trị đến ngày 12/06/2026 của Viện Nghiên Cứu Phát Triển Tiêu Chuẩn Chất Lượng cấp.
-Giấy chứng nhận Phù Hợp Tiêu Chuẩn số SP2400-23 - BS 4607-5:1982+A3:2010 có giá trị đến ngày 12/06/2026 của Viện Nghiên Cứu Phát Triển Tiêu Chuẩn Chất Lượng cấp.
- Giấy chứng nhận số HT1651-23 - ISO 9001: 2015 có giá trị đến ngày 12/06/2026 của Viện Nghiên Cứu Phát Triển Tiêu Chuẩn Chất Lượng cấp.

Phương thức Chứng Nhận: Phương thức 5
(Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM ÁP DỤNG CHO ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN PVC

1. Kích thước
2. Thử nén với lực 320N / 750N / 1250N
3. Thử va đập
4. Thử bẻ cong
5. Thử bẻ gập
6. Độ bền điện và điện trở cách điện
7. Khả năng chịu nhiệt
8. Khả năng chịu cháy

CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM ÁP DỤNG CHO ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN ĐÀN HỒI (RUỘT GÀ) PVC

1. Kích thước
2. Thử nén với lực 320N
3. Độ bền điện và điện trở cách điện
4. Khả năng chịu cháy

CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM ÁP DỤNG CHO PHỤ KIỆN PVC

1. Thử va đập
2. Độ bền điện và điện trở cách điện
3. Khả năng chịu cháy

TP.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thu Thủy

https://kimquang.vn

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 389 /TB-TĐC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn số 01/2023/NGOCNGUYEN ngày 13 tháng 9 năm 2023 của:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYỄN

Địa chỉ: 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; Xưởng sản xuất: 359 Thống Nhất, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cho sản phẩm Phụ kiện cách điện PVC.

(Chi tiết sản phẩm tại Danh mục sản phẩm ban hành theo Quyết định số 16108/QĐ-ISSQ và Giấy chứng nhận số SP 2400-23 của Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng - ISSQ cấp ngày 13 tháng 6 năm 2023)

Nhãn hiệu: HDV

Phù hợp tiêu chuẩn BS 4607-5:1982+A3:2010 – Non-metallic conduit fittings for electrical installations và có giá trị đến ngày 12 tháng 6 năm 2026.

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng.

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn;
- Lưu: TBT (1b). TR.1.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Võ Đình Liên Ngọc

https://kimquang.vn

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3241 /TB-TĐC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn số 03/2023/NGOCNGUYEN ngày 13 tháng 9 năm 2023 của:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYỄN

Địa chỉ: 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Xưởng sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn, địa chỉ: 359 Thống Nhất, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cho sản phẩm Ống luồn dây điện PVC (ống mềm).

(Chi tiết thông tin theo Quyết định số 16109/QĐ-ISSQ và Giấy chứng nhận số SP 2401-23 của Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng (ISSQ) cấp ngày 13 tháng 6 năm 2023)

Nhãn hiệu: HDV

Phù hợp với Tiêu chuẩn BS EN61386-22:2004 + A11:2010 & IEC 61386-22:2002 - Conduit Systems for cable management - Part 22: Particular requirements - Pliable conduit systems và có giá trị đến ngày 12 tháng 6 năm 2026.

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng.

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH SX TM Ngọc Nguyễn;
- Lưu: TBT(1b). TRG.1.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Võ Đình Liên Ngọc

https://kimquang.vn

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 340 /TB-TĐC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn số 02/2023/NGOCNGUYEN ngày 13 tháng 9 năm 2023 của:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC NGUYỄN

Địa chỉ: 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Xưởng sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn, địa chỉ: 359 Thống Nhất, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cho sản phẩm Ống luồn dây điện (ống cứng) và phụ kiện PVC.

(Chi tiết thông tin theo Quyết định số 16110/QĐ-ISSQ và Giấy chứng nhận số SP 1614-23 của Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng (ISSQ) cấp ngày 13 tháng 6 năm 2023)

Nhãn hiệu: HDV

Phù hợp với Tiêu chuẩn BS EN61386-21:2004 + A11:2010 & IEC 61386-21:2002 - Conduit systems for cable management. Part 21: Particular requirements - Rigid conduit systems và có giá trị đến ngày 12 tháng 6 năm 2026.

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng.

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH SX TM Ngọc Nguyễn;
- Lưu: TBT(1b). TRG.1.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Võ Đình Liên Ngọc

https://kimquang.vn

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Số 52, ngõ 46, đường Liên Mạc, phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (84-24) 22661111; mail:vienchatluong@issq.org.vn

Số : *201/NV1/GĐ/2020*
Ngày : *06/12/2020*
Trang : *01/01*

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

Đơn vị yêu cầu	:	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn
Địa chỉ	:	158/56/11 Phạm Văn Chiêu, phường 09, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
Tên hàng	:	Ống luồn dây điện nhãn hiệu HDV; Nguyên liệu sản xuất ống luồn dây điện và phụ kiện (khớp đầu nối, hộp box, ổ chờ, đế âm, co, tê, kẹp đỡ) nhãn hiệu HDV
Địa điểm giám định	:	158/56/11 Phạm Văn Chiêu, phường 09, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian giám định	:	Ngày 20/11/2020.
Nội dung giám định	:	Giám định hàm lượng Chì (Pb) và chất Dioctyl phthalate

Theo yêu cầu giám định của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn số 201/NV1/GĐ/2020, Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng đã tiến hành giám định lô hàng nêu trên, kết quả như sau:

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

I. Mô tả hàng hoá.

Sản phẩm giám định là mẫu ống luồn dây điện nhãn hiệu HDV, nguyên liệu sản xuất ống luồn dây điện và phụ kiện (khớp đầu nối, hộp box, ổ chờ, đế âm, co, tê, kẹp đỡ) nhãn hiệu HDV tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn.

II. Kết luận.

Căn cứ vào kết quả thử nghiệm Ống luồn dây điện số: 8174/18/QC-PTN HS của Trung tâm Chứng nhận phù hợp Quacert;

Căn cứ vào kết quả thử nghiệm Nguyên liệu sản xuất ống luồn dây điện và phụ kiện HĐV số: 8175/18/QC-PTN HS của Trung tâm Chứng nhận phù hợp Quacert;

Theo kết quả giám định tại hiện trường và thử nghiệm thực tế mẫu thử, tại thời điểm kiểm tra Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng xác nhận:

- Ống luồn dây điện nhãn hiệu HDV có hàm lượng Chì (Pb) = 360,10 µg/g, hàm lượng DEHP (Dioctyl phthalate) = 3614,70 mg/kg;
- Nguyên liệu liệu dùng sản xuất ống luồn dây điện và phụ kiện (khớp đầu nối, hộp box, ổ chờ, đế âm, co, tê, kẹp đỡ) nhãn hiệu HDV có hàm lượng Chì (Pb) = 514,40 µg/g, hàm lượng DEHP (Dioctyl phthalate) = 330,20 mg/kg./.

GIÁM ĐỊNH VIÊN

Nguyễn Tuấn Anh

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN
HỢP CHUẨN – HỢP QUY

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

La Văn Toàn

Ghi chú: Chứng thư này xác nhận kết quả kết quả giám định cho lô hàng hóa tại thời gian và địa điểm nói trên

THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
PRODUCT QUALITY TEST

https://kimquang.vn

HDV®

Head Driving Victory

KIM QUANG ELECTRIC DISTRIBUTOR

Hotline: 0931 455 668

Sales: 0909 635 266 – 0938 118 428

Catalogue ống HDV

Bảng giá ống HDV